

Bản án số:30 / 2018/ HNGĐ - ST

Ngày: 07- 8 - 2018

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HOÁ- TỈNH THANH HOÁ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình T

Các hội thẩm nhân dân : Ông Lê Dũng T

Ông Lê Ngọc H.

Thị ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T- Thị ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

Ngày 07 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/ 2018/ TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2018 về “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2018/ QĐXX-ST ngày 17/7/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trịnh Đình M- Sinh năm 1988 (Có mặt)

Trú tại: Thôn Lam Vỹ, xã Thiệu Vũ, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị N - Sinh năm 1991 (Có mặt)

Nơi ĐKNKTT: Thôn Lam Vỹ, xã Thiệu Vũ, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

Nơi ở hiện nay: Thôn Tra Thôn 1, xã Thiệu Phú, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện về việc tranh chấp hôn nhân gia đình và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Trịnh Đình M trình bày giữa nguyên đơn và bị đơn là chị Nguyễn Thị N đăng ký kết hôn ngày 30 tháng 12 năm 2014 tại UBND xã Thiệu Vũ, huyện Thiệu Hóa trên cơ sở tự nguyện.

Quá trình chung sống hòa thuận, đến đầu năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng ly thân từ đầu năm 2018 đến nay. Nay anh Trịnh Đình M xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên cháu là Trịnh Đình T- Sinh ngày 12 tháng 6 năm 2015 và cháu Trịnh Thị Nhật M sinh ngày 16/11/2016. Nay ly hôn nguyện vọng của anh M được nuôi cháu Trịnh Đình T, chị Nguyễn Thị N nuôi cháu Trịnh Thị Nhật M , không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Anh Trịnh Đình M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18 tháng 6 năm 2018 và tại phiên tòa hôm nay bị đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày

Về hôn nhân: Chị và anh Trịnh Đình M đăng ký kết hôn ngày 30/12/2014 tại UBND xã Thiệu Vũ, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, tự nguyện nh- anh M trình bày là đúng, vợ chồng sống chung hòa thuận đến tháng 4/2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống, th- ờng xuyên xúc phạm và thiếu tôn trọng nhau. Nay anh Trịnh Đình M làm đơn xin ly hôn, chị N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị cũng đồng ý đ- ợc ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên cháu là Trịnh Đình T- Sinh ngày 12 tháng 6 năm 2015 và cháu Trịnh Thị Nhật M sinh ngày 16/11/2016. Nay ly hôn chị Năm yêu cầu đ- ợc nuôi cả hai cháu, không yêu cầu anh M đóng góp cấp d- ỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản và công nợ: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

{1} Về hôn nhân: Anh Trịnh Đình M và chị Nguyễn Thị N đăng ký kết hôn ngày 30 tháng 12 năm 2014 tại UBND xã Thiệu Vũ, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện, nh- vậy là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 4 năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, không cùng quan điểm sống và thiếu sự tôn trọng nhau. Anh Trịnh Đình M xét thấy thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt đ- ợc, nên anh xin đ- ợc ly hôn chị Nguyễn Thị N.

Quá trình giải quyết vụ án tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đồng ý đ- ợc ly hôn. Xét việc xin thuận tình ly hôn giữa anh Trịnh Đình M và chị Nguyễn Thị N là hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy áp dụng điều 55 luật hôn nhân gia đình xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trịnh Đình M và chị Nguyễn Thị N.

{2} Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên cháu là Trịnh Đình T- Sinh ngày 12 tháng 6 năm 2015 và cháu Trịnh Thị Nhật M sinh ngày 16/11/2016. Nay ly hôn anh M, chị N đều yêu cầu đ- ợc nuôi con, xét việc yêu cầu đ- ợc nuôi con của anh, chị là chính đáng, để đảm bảo quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con cái. Vì vậy giao cháu Đình Đình T – sinh ngày 12/6/2015 cho anh Trịnh Đình M trực tiếp chăm sóc nuôi d- ỡng, giao cháu Trịnh Thị Nhật M – Sinh ngày 16/11/2016 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc nuôi d- ỡng, mỗi ng- ời nuôi một cháu, vì vậy các bên không phải đóng góp cấp d- ỡng nuôi con.

{3} Về tài sản và công nợ: Anh Trịnh Đình M, chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

{4} Về án phí: Anh Trịnh Đình M phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, 81, khoản 1,3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam 2014, khoản 4 Điều 147, điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định án phí, lệ phí Tòa án, điểm 1.1. tiểu mục 1, Mục II Phần A danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

- *Về hôn nhân*: Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trịnh Đình M và chị Nguyễn Thị N

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung. Giao cháu Trịnh Đình T – Sinh ngày 12 tháng 6 năm 2015 cho anh Trịnh Đình M trực tiếp chăm sóc nuôi d-ỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu Trịnh Thị Nhật M – Sinh ngày 16/11/2016 cho chị Nguyễn Thị N

trực tiếp chăm sóc, nuôi d-ỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Trịnh Đình M, chị Nguyễn Thị N không phải đóng góp cấp d-ỡng nuôi con chung, các bên đ-ợc quyền đi lại chăm sóc con chung không bên nào đ-ợc ngăn cấm.

- *Về tài sản và công nợ*: Anh Trịnh Đình M, chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy không xét.

- *Về án phí*: anh Trịnh Đình M phải nộp 300.000đ tiền án phí ly hôn. Số tiền tạm ứng án phí anh Trịnh Đình M đã nộp 300.000đ tại chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thiệu Hoá theo biên lai số AA/2014/ 0001419 ngày 12 tháng 6 năm 2018 đ-ợc chuyển thành án phí, Anh Trịnh Đình M đã nộp đủ án phí.

Tr-ởng hợp bản án, quyết định đ-ợc thi hành theo Điều 2 luật thi hành án dân sự, ng-ời đ-ợc thi hành án, ng-ời phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c-ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án đ-ợc quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Anh Trịnh Đình M, chị Nguyễn Thị N đ-ợc quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- VKS Thiệu Hóa
- Các đ-ơng sự
- Thi hành án dân sự
- Phòng Giám đốc án
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn
- L-u hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Đình T

